

UBND TỈNH TÂY NINH
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Số: 357/QĐ-SVHTTDL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 08 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022
đơn vị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tây Ninh; Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 3 của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Thông báo số 216/TB-STC ngày 07/9/2023 của Sở Tài chính về việc thẩm định quyết toán ngân sách năm 2022 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

(Đính kèm phụ biểu quyết toán ngân sách năm 2022 và Thông báo số 216/TB-STC ngày 07/9/2023 của Sở Tài chính về việc thẩm định quyết toán ngân sách năm 2022 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở và Trưởng các phòng khối quản lý hành chính, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- GD, các PGD Sở;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**




Trần Thị Huy Hoàng



Mã chương: 425

Đơn vị: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tây Ninh

Mã ĐVQHNS: 1030828

Mã cấp NS: 2

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 37/QĐ-SVHTTDL ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch TN)

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
A	Quyết toán nguồn thu, phí, lệ phí				
I	Tổng số thu	23.250.000	23.250.000		
II	Chi từ nguồn thu để lại	0	0		
III	Số thu nộp NSNN	23.250.000	23.250.000		
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	63.554.778.137	63.513.172.600	-41.605.537	
I	Quản lý Hành chính (341)	6.204.381.739	6.204.381.739	0	
1	Văn phòng Sở	6.204.381.739	6.204.381.739		
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	5.324.696.942	5.324.696.942		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	879.684.797	879.684.797		
II	Kinh phí Sự nghiệp y tế (141)	838.321.913	825.418.913	-12.903.000	
1	Văn phòng Sở	472.975.243	472.975.243		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	472.975.243	472.975.243		
2	Trung tâm Văn hóa tỉnh	225.346.670	223.946.670	-1.400.000	
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	225.346.670	223.946.670	-1.400.000	
3	Trung tâm Huấn luyện Thi đấu thể thao	140.000.000	128.497.000	-11.503.000	
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	140.000.000	128.497.000	-11.503.000	
III	Sự nghiệp văn hóa (161)	17.231.352.880	17.208.257.843	-23.095.037	
1	Văn phòng Sở	911.709.045	911.709.045	0	
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	911.709.045	911.709.045		
2	Bảo tàng tỉnh	3.419.640.097	3.412.820.097	-6.820.000	
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	2.532.000.000	2.532.000.000		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	887.640.097	880.820.097	-6.820.000	
3	Thư viện tỉnh	4.186.146.176	4.186.016.139	-130.037	
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	2.870.000.000	2.869.869.963	-130.037	
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	1.316.146.176	1.316.146.176		



STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
4	Trung tâm Văn hóa tỉnh	8.713.857.562	8.697.712.562	-16.145.000	
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	4.977.000.000	4.976.820.000	-180.000	
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	3.736.857.562	3.720.892.562	-15.965.000	
IV	Sự nghiệp thể dục thể thao	19.709.057.467	19.704.975.467	-4.082.000	
1	Văn phòng Sở	265.624.990	265.624.990		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	265.624.990	265.624.990		
2	Trung tâm Huấn luyện Thi đấu thể dục thể thao	19.443.432.477	19.439.350.477	-4.082.000	
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	5.303.000.000	5.303.000.000		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	14.140.432.477	14.136.350.477	-4.082.000	
V	Sự nghiệp đào tạo	16.955.423.938	16.954.997.938	-426.000	
1	Trung tâm Huấn luyện Thi đấu thể thao	16.955.423.938	16.954.997.938	-426.000	
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	16.955.423.938	16.954.997.938	-426.000	
VI	Sự nghiệp môi trường	245.206.000	245.206.000		
1	Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch	245.206.000	245.206.000		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ (SNMT)	245.206.000	245.206.000		
VII	Sự nghiệp kinh tế	2.182.290.400	2.181.290.400	-1.000.000	
1	Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch	2.182.290.400	2.181.290.400	-1.000.000	
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	1.082.000.000	1.082.000.000		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	1.100.290.400	1.099.290.400	-1.000.000	
VIII	Sự nghiệp kinh tế (292-100) Tuyên truyền an toàn giao thông	93.743.800	93.644.300	-99.500	
1	Trung tâm văn hóa tỉnh	93.743.800	93.644.300	-99.500	
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ (292)	93.743.800	93.644.300	-99.500	
X	Trợ cấp tiền tết	95.000.000	95.000.000		
1	Văn phòng Sở	19.000.000	19.000.000		
2	Thư viện tỉnh	13.000.000	13.000.000		
3	Bảo tàng tỉnh	10.500.000	10.500.000		
4	Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật	23.500.000	23.500.000		
5	Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch	4.500.000	4.500.000		
6	Trung tâm Huấn luyện Thi đấu thể thao	24.500.000	24.500.000		
C	Nguồn thu sự nghiệp	183.774.400	183.724.400	-50.000	
1	Trung tâm Văn hóa tỉnh	183.774.400	183.724.400	-50.000	

VIỆT NAM
A, /A
INH


